

PHỤ LỤC VIII
BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

MST 57 00100 256

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2020

I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP
1. Hội đồng thành viên:

BIỂU SỐ 01
THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
DOANH NGHIỆP NĂM 2019

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chức danh | | Phân loại thành viên | Trình độ chuyên môn | Kinh nghiệm nghề nghiệp | Các vị trí quản lý đã nắm giữ | Công việc quản lý được giao |
|----|---------------|----------|----------------------------|-----------------------------------|----------------------|---|--|--|-----------------------------|
| | | | Chức danh tại doanh nghiệp | Chức danh tại Công ty khác nếu có | | | | | |
| 1 | Lê Minh Chuẩn | 1965 | Chủ tịch HĐTV | Không | Chuyên trách | Kỹ sư khai thác mỏ hầm lò; Cử nhân luật | Quản lý, chỉ huy sản xuất; Quản lý, điều hành doanh nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Phó Giám đốc Công ty Than Vàng Danh; Trưởng Ban Tập đoàn TKV; Giám đốc Công ty Xây dựng mỏ-TKV; Phó Tổng giám đốc Tập đoàn TKV; Thành viên HĐQT-Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV - Chủ trì chỉ đạo chung việc thực hiện quyền, nghĩa vụ HĐTV đã được quy định trong Luật DN, Điều lệ TKV, các quy định của pháp luật, Quy chế làm việc của HĐTV. - Trực tiếp chỉ đạo giám sát công tác: <ul style="list-style-type: none"> + Chiến lược phát triển, quy hoạch phát triển, nghiên cứu khoa học; + Cân đối các nguồn lực; + Phát triển các ngành, nghề kinh doanh mới. + Công tác xuất nhập khẩu than, khoáng sản, vật tư, thiết bị. + Công tác tổ chức cán bộ; các quy chế quản lý nội bộ. + Quan hệ với cơ quan Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh thành phố; quan hệ quốc tế; quan hệ truyền thông. + Trưởng ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Trưởng ban phòng, chống tham nhũng, lãng phí. - Trực tiếp chỉ đạo Ban Quản lý vốn. | |



| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chức danh | | Phân loại thành viên | Trình độ chuyên môn | Kinh nghiệm nghề nghiệp | Các vị trí quản lý đã nắm giữ | Công việc quản lý được giao |
|----|----------------|----------|-------------------------------|-----------------------------------|----------------------|---|--|---|---|
| | | | Chức danh tại doanh nghiệp | Chức danh tại Công ty khác nếu có | | | | | |
| 2 | Đặng Thanh Hải | 1966 | Thành viên HĐQT-Tổng Giám đốc | Không | Chuyên trách | Kỹ sư khai thác mỏ; Cử nhân quản trị kinh doanh | Quản lý, chỉ huy sản xuất; Quản lý, điều hành doanh nghiệp | <p>Phó Giám đốc Công ty than Đèo Nai; Phó Giám đốc Công ty Vật liệu nổ công nghiệp (nay là Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ); Trưởng Ban Tập đoàn TKV; Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản; Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ Thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ TKV và Quy chế làm việc của HĐQT TKV; - Là người đại diện theo pháp luật của TKV; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ TKV, Luật DN và các quy định của pháp luật, các quy chế, quy định của TKV; - Thực hiện nhiệm vụ tổng điều hành hoạt động SXKD của TKV, kế hoạch phối hợp kinh doanh trong toàn Tập đoàn TKV theo nghị quyết, quyết định của HĐQT TKV. - Là Phó trưởng ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp của TKV. - Thay Chủ tịch HĐQT chỉ đạo hoạt động của HĐQT khi Chủ tịch HĐQT đi vắng dài ngày (nghỉ phép, đi học, đi công tác nước ngoài); - Các nhiệm vụ khác do HĐQT phân công. |
| 3 | Nguyễn Văn Hải | 1959 | Thành viên HĐQT | Không | Chuyên trách | Kỹ sư kinh tế mỏ; Cử nhân Luật; Thạc sỹ quản trị kinh doanh; Tiến sỹ kinh tế. | Quản lý kinh tế, kế hoạch; Quản lý, điều hành doanh nghiệp | <p>Phó Giám đốc, Giám đốc Mỏ than Khánh Hòa; Trưởng Ban Tập đoàn TKV; Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ Thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ TKV và Quy chế làm việc của HĐQT TKV; - Chủ trì giám sát, quản lý các lĩnh vực: <ul style="list-style-type: none"> + Thương mại, dịch vụ. + Công tác đào tạo, chăm sóc sức khỏe, thi đua, văn hóa, xã hội, quan hệ cộng đồng. + Quản lý phần vốn của TKV tại các công ty con, công ty liên kết thuộc lĩnh vực sản xuất than, dịch vụ và thương mại. + Công tác triển khai áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa trong lĩnh vực và đơn vị được giao chủ trì quản lý, theo dõi; - Giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các đơn vị sự nghiệp đào tạo, y tế, báo chí; các đơn vị thương mại, dịch vụ. - Chỉ đạo chung Ban kiểm soát nội bộ. - Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT phân công. |

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chức danh | | Phân loại thành viên | Trình độ chuyên môn | Kinh nghiệm nghề nghiệp | Các vị trí quản lý đã nắm giữ | Công việc quản lý được giao |
|----|--------------------|----------|----------------------------|-----------------------------------|----------------------|--|--|--|--|
| | | | Chức danh tại doanh nghiệp | Chức danh tại Công ty khác nếu có | | | | | |
| 4 | Vũ Thành Lâm | 1964 | Thành viên HĐTV | Không | Chuyên trách | Kỹ sư khai thác mỏ; Tiến sỹ khai thác mỏ | Quản lý, chỉ huy sản xuất; Quản lý, điều hành doanh nghiệp | <p>Phó Giám đốc Công ty than Khe Châm; Giám đốc Công ty than Thống Nhất; Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV.</p> | <p>- Thực hiện nhiệm vụ Thành viên HĐTV được quy định tại Điều lệ TKV và Quy chế làm việc của HĐTV TKV;</p> <p>- Chủ trì giám sát, quản lý các lĩnh vực:</p> <p>+ Sản xuất than hầm lò, xây lắp mỏ hầm lò, sàng tuyển - chế biến than;</p> <p>+ Công tác triển khai áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa trong lĩnh vực và đơn vị được giao chủ trì quản lý, theo dõi;</p> <p>- Giám sát triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐTV tại các đơn vị:</p> <p>+ Các đơn vị sản xuất than hầm lò, xây lắp mỏ; giám định, sàng tuyển-chế biến than, kho vận;</p> <p>+ Các BQLDA sàng tuyển- chế biến than, BQLDA chuyên ngành mỏ than.</p> <p>- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐTV phân công.</p> |
| 5 | Nguyễn Chiến Thắng | 1965 | Thành viên HĐTV | Không | Chuyên trách | Kỹ sư chế tạo máy; Cử nhân kế toán. | Quản lý, chỉ huy sản xuất; Quản lý, điều hành doanh nghiệp | <p>Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy xi măng La Hiên; Phó Giám đốc Công ty than Nội địa; Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương; Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực; Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV.</p> | <p>- Thực hiện nhiệm vụ Thành viên HĐTV được quy định tại Điều lệ TKV và Quy chế làm việc của HĐTV TKV;</p> <p>- Chủ trì giám sát, quản lý các lĩnh vực:</p> <p>+ Sản xuất điện; cơ khí; hóa chất mỏ; vật liệu xây dựng; kết cấu hạ tầng- vật kiến trúc (trừ kết cấu hạ tầng- vật kiến trúc của khối sản xuất than);</p> <p>+ Giúp Chủ tịch HĐTV trong công tác nhập khẩu than;</p> <p>+ Quản lý phần vốn của TKV tại các đơn vị sản xuất khoáng sản, điện lực, cơ khí, hóa chất mỏ, vật liệu xây dựng, các đơn vị phụ trợ.</p> <p>+ Công tác triển khai áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa trong lĩnh vực và đơn vị được giao chủ trì quản lý, theo dõi;</p> <p>- Giám sát triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐTV tại các đơn vị được phân công quản lý.</p> <p>- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐTV phân công.</p> |

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chức danh | | Phân loại thành viên | Trình độ chuyên môn | Kinh nghiệm nghề nghiệp | Các vị trí quản lý đã nắm giữ | Công việc quản lý được giao |
|----|-----------------|----------|----------------------------|-----------------------------------|----------------------|----------------------|--|---|--|
| | | | Chức danh tại doanh nghiệp | Chức danh tại Công ty khác nếu có | | | | | |
| 6 | Phạm Văn Mật | 1961 | Thành viên HĐTV | Không | Chuyên trách | Kỹ sư khai thác mỏ | Quản lý, chỉ huy sản xuất; Quản lý, điều hành doanh nghiệp | <p>Phó Giám đốc Công ty than Quảng Ninh; Giám đốc Công ty than Vàng Danh; Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ Thành viên HĐTV được quy định tại Điều lệ TKV và Quy chế làm việc của HĐTV TKV; - Chủ trì giám sát, quản lý các lĩnh vực: <ul style="list-style-type: none"> + Sản xuất than lộ thiên; an toàn - vệ sinh lao động; môi trường; kết cấu hạ tầng-vật kiến trúc của khối sản xuất than. + Công tác triển khai áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa trong lĩnh vực và đơn vị được giao chủ trì quản lý, theo dõi; - Giám sát triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐTV tại các đơn vị; + Các đơn vị sản xuất than lộ thiên, TCTy CN mỏ Việt Bắc. + Các đơn vị môi trường, trung tâm cấp cứu mỏ. - Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐTV phân công. |
| 7 | Nguyễn Anh Tuấn | 1965 | Thành viên HĐTV | Không | Chuyên trách | Tiến sỹ khai thác mỏ | Quản lý, chỉ huy sản xuất; Quản lý, điều hành doanh nghiệp | <p>Phó Viện trưởng, Viện Trưởng Viện Khoa học Công nghệ mỏ; Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ Thành viên HĐTV được quy định tại Điều lệ TKV và Quy chế làm việc của HĐTV TKV; - Chủ trì-giám sát, quản lý các lĩnh vực: <ul style="list-style-type: none"> + Sản xuất, chế biến khoáng sản và luyện kim; thăm dò khảo sát địa chất; nghiên cứu khoa học, tư vấn. + Giúp Chủ tịch HĐTV trong quản lý tổng hợp công tác khoa học và công nghệ. + Công tác triển khai áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa trong lĩnh vực và đơn vị được giao chủ trì quản lý, theo dõi; - Giám sát triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐTV tại các đơn vị; + Các đơn vị sản xuất chế biến khoáng sản và luyện kim; địa chất, nghiên cứu khoa học, tư vấn. + Các dự án ở nước ngoài. - Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐTV phân công. |

2. Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên | Chức danh |
|----|----------------|----------------------|
| 1 | Lê Thành Chung | Trưởng ban kiểm soát |
| 2 | Phạm Thanh Hải | Kiểm soát viên |
| 3 | Đỗ Thị Loát | Kiểm soát viên |

3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

| TT | Họ tên | Chức danh | Chuyên trách, không chuyên trách | Quỹ lương Kế hoạch Ủy ban QLV giao (tr.đồng) | Quỹ lương thực hiện năm (tr.đồng) |
|-----------|-----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|--|-----------------------------------|
| I | Hội đồng thành viên | | | 4.968,0 | 5.961,6 |
| 1 | Lê Minh Chuẩn | Chủ tịch HĐQTV | Chuyên trách | 864,0 | 1.036,8 |
| 2 | Đặng Thanh Hải | Tổng giám đốc | Chuyên trách | 840,0 | 1.008,0 |
| 3 | Phạm Văn Mật | Thành viên HĐQTV | Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| 4 | Nguyễn Văn Hải | Thành viên HĐQTV | Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| 5 | Vũ Thành Lâm | Thành viên HĐQTV | Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| 6 | Nguyễn Chiến Thắng | Thành viên HĐQTV | Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| 7 | Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên HĐQTV | Chuyên trách | 192,0 | 230,4 |
| II | Các PTGD, KTTTr, và KSV NN | | | 7.911,0 | 9.493,2 |
| 8 | Nguyễn Đình Thịnh | Phó Tổng giám đốc | Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| 9 | Nguyễn Ngọc Cơ | Phó Tổng giám đốc | Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| 10 | Nguyễn Anh Tuấn | Phó Tổng giám đốc | Chuyên trách | 576,0 | 691,2 |
| 11 | Khuất Mạnh Thắng | Phó Tổng giám đốc | Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| 12 | Vũ Anh Tuấn | Phó Tổng giám đốc | Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| 13 | Nguyễn Hoàng Trung | Phó Tổng giám đốc | Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| 14 | Lê Quang Dũng | Phó Tổng giám đốc | Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| 15 | Đặng Thị Hương | Kế toán trưởng | Chuyên trách | 551,0 | 661,2 |
| 16 | Lê Thành Chung | Trưởng ban Kiểm soát Tập đoàn | Chuyên trách | 640,0 | 768,0 |
| 17 | Phạm Thanh Hải | KSV chuyên trách | -Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| 18 | Đỗ Thị Loát | KSV chuyên trách | Chuyên trách | 768,0 | 921,6 |
| | Tổng cộng | | | 12.879,0 | 15.454,8 |

**Ghi chú: Tiền lương quyết toán của Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm soát viên chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.*

4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý:

4.1 Nguyên tắc định hướng về văn hóa doanh nghiệp của TKV:

- Tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch, phát triển bền vững, tạo ra các kênh huy động và quản trị vốn, tài sản chắc chắn đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên, tạo niềm tin để người lao động yên tâm làm việc, nâng cao trách nhiệm với công đồng và đối tác.

4.2 Trách nhiệm tuân thủ về văn hóa đạo đức trong TKV:

- Đảm bảo luôn tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định hiện hành;
- Thực hiện đầy đủ, hợp lý, chính xác, kịp thời và dễ hiểu trong các báo cáo tài chính và thông tin liên quan;
- Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp;
- Giải quyết các mâu thuẫn lợi ích một cách hợp lý trên cơ sở pháp luật hiện hành;
- Bảo vệ các thông tin không được công khai.

5. Về quản lý rủi ro:

5.1. Nguyên tắc quản lý rủi ro của TKV:

- Không chấp thuận các rủi ro không cần thiết;
- Ra các quyết định xử lý rủi ro ở cấp thích hợp (Phân cấp theo thẩm quyền)
- Chấp nhận rủi ro khi lợi ích nhiều hơn chi phí;
- Kết hợp quản trị rủi ro vào vận hành và hoạch định ở mọi cấp.

5.2. Biện pháp quản lý của TKV:

- Xây dựng các quy chế, cơ chế quản lý điều hành minh bạch, hiệu quả (Điều lệ của TKV, quy chế hoạt động của HĐQT, ban lãnh đạo điều hành, quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, quy chế quản trị chi phí, quy chế quản lý nợ, quy chế quản lý tài sản, quy chế tài chính...

- Xây dựng cơ chế kiểm soát các hoạt động của người quản lý: quy chế quản lý người đại diện phần vốn, ban kiểm soát của TKV tại các công ty có vốn góp của TKV;

- Thường xuyên đào tạo, đào tạo lại để nâng cao trình độ về chuyên môn, trình độ hiểu biết về pháp luật của CBCNV;

- Thành lập ban Pháp chế và quản trị rủi ro trong hệ thống các ban chức năng của TKV.

II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

BIỂU SỐ 02

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TKV

(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

| TT | Số văn bản | Ngày, tháng | Trích yếu nội dung |
|---|----------------|-------------|---|
| I Các quyết định của Chính phủ | | | |
| 1 | 213/QĐ-TTG | 2/21/2019 | V/v ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 |
| 2 | 280/QĐ-TTG | 3/13/2019 | V/v phê duyệt chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 |
| 3 | 26/2019/QĐ-TTG | 8/15/2019 | V/v Quyết định phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020 |
| 4 | 1469/QĐ-TTG | 10/28/2019 | V/v Ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2018 |
| 5 | 1743/QĐ-TTG | 12/3/2019 | V/v Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 |
| II Các quyết định của Ủy ban QLVN tại DN | | | |
| 1 | 57/QĐ-UBQLV | 2/27/2019 | V/v ban hành Quy chế Thi đua - khen thưởng của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp |

| TT | Số văn bản | Ngày, tháng | Trích yếu nội dung |
|--|--------------|-------------|--|
| 2 | 86/QĐ-UBQLV | 4/1/2019 | V/v Triển khai phần mềm bộ chỉ số phục vụ giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp |
| 3 | 87/QĐ-UBQLV | 01/04/2019 | V/v Ban hành Quy chế báo cáo, quản lý và sử dụng phần mềm bộ chỉ số của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp |
| 4 | 70/QĐ-UBQLV | 3/15/2019 | V/v ban hành Chương trình hành động của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 5 | 151/QĐ-UBQLV | 5/16/2019 | V/v Phê duyệt kế hoạch giám sát tài chính năm 2019 |
| 6 | 213/QĐ-UBQLV | 6/19/2019 | V/v Phê duyệt chương trình công tác năm 2019 của Ban Kiểm soát Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam |
| 7 | 285/QĐ-UBQLV | 7/19/2019 | V/v-phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam |
| III Các quyết định của Bộ Công Thương | | | |
| 1 | 123/QĐ-BCT | 1/23/2019 | V/v phân cấp thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các dự án đầu tư-xây dựng chuyên ngành công nghiệp và than nhóm B, nhóm C |
| 2 | 134/QĐ-BCT | 1/24/2019 | V/v xếp loại mỏ theo khí mêtan năm 2019 |
| 3 | 281/QĐ-BCT | 2/12/2019 | V/v Ban hành khung giá phát điện năm 2019 |
| 4 | 474/QĐ-BCT | 3/5/2019 | V/v Quyết định phê duyệt Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2019 từ nguồn than trong nước |
| 5 | 1420/QĐ-BCT | 24/05/2019 | Về việc phê duyệt đề cương Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Thông báo kết luận số 245-TB/TW ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Bộ Chính trị về quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng bô-xít giai đoạn 2007-2015, có xét đến 2025 |
| 6 | 2744/QĐ-BCT | 9/6/2019 | V/v chỉ định tổ chức chứng nhận vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ |
| 7 | 3099/QĐ-BCT | 14/10/2019 | V/v phê duyệt điều chỉnh Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2019 |

III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên

(Các cuộc họp HĐQT và họp giao ban giữa HĐQT và LDDH)

BIỂU SỐ 3
THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TKV

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Số buổi họp không tham dự | Lý do không tham dự | Tỷ lệ |
|----|--------------------|---------------|---------------------|---------------------------|------------------------------|-------|
| 1 | Lê Minh Chuẩn | Chủ tịch HĐQT | 43 | 0 | | 100% |
| 2 | Đặng Thanh Hải | TV HĐQT, TGD | 39 | 4 | Đi công tác | 91% |
| 3 | Nguyễn Văn Hải | TV HĐQT | 41 | 2 | Nghỉ việc riêng | 95% |
| 4 | Phạm Văn Mật | TV HĐQT | 41 | 2 | Đi công tác, nghỉ việc riêng | 95% |
| 5 | Nguyễn Chiến Thắng | TV HĐQT | 43 | 0 | | 100% |
| 6 | Vũ Thành Lâm | TV HĐQT | 43 | 0 | | 100% |
| 7 | Nguyễn Anh Tuấn | TV HĐQT | 10 | 0 | | 100% |

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc, bao gồm các nội dung chủ yếu:

- Giám sát tình hình thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD 5 năm, hàng năm theo kế hoạch được giao;
- Giám sát kết quả hoạt động SXKD: Doanh thu; lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA);
- Giám sát thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước;
- Giám sát việc thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập sử dụng các quỹ;
- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn;
- Giám sát việc quản lý sử dụng vốn và tài sản tại TKV bao gồm:
 - + Hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư, gồm: Nguồn vốn huy động, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, tiến độ giải ngân vốn đầu tư;
 - + Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài TKV của TKV và các công ty con, công ty liên kết;
 - + Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động, phát hành trái phiếu;
 - + Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu;
- Giám sát tình hình lưu chuyển tiền tệ trong TKV;
- Giám sát việc chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước, quy chế tài chính...
- Giám sát việc cơ cấu lại vốn Nhà nước tại TKV và các công ty con, công ty liên kết;
- Giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn theo quy định của Bộ luật lao động;
- Giám các các lĩnh vực quản lý khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của TKV.



3. Các nghị quyết của HĐQT

BIỂU SỐ 4 THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TKV

| TT | Số văn bản | Ngày | Nội dung |
|----|-----------------|-----------|--|
| 1 | 01/2019/NQ-HĐTV | 02/1/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6745, 6791, 6838, 6860, 6861, 6863, 6866, 6878, 6909, 6910, 6911, 6913, 6914. |
| 2 | 02/2019/NQ-HĐTV | 09/1/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 82, 178, 180, 6943, 187, 186, 6275. |
| 3 | 03/2019/NQ-HĐTV | 22/1/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 199, 245, 360, 271, 272, 401, 435, 403, 425. |
| 4 | 04/2019/NQ-HĐTV | 28/1/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 420, 424, 485. |
| 5 | 05/2019/NQ-HĐTV | 18/2/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 500, 612, 658, 694, 707. |
| 6 | 06/2019/NQ-HĐTV | 27/2/2019 | Thông qua nội dung về công tác cán bộ. |
| 7 | 07/2019/NQ-HĐTV | 27/2/2019 | Thông qua nội dung về công tác cán bộ. |
| 8 | 08/2019/NQ-HĐTV | 27/2/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 472, 810, |
| 9 | 09/2019/NQ-HĐTV | 07/3/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 774, 905, 906, 913, 1012, 1020, 1021, 1044. |
| 10 | 10/2019/NQ-HĐTV | 07/3/2019 | Thông qua nội dung về công tác cán bộ. |
| 11 | 11/2019/NQ-HĐTV | 13/3/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1097, 1098, 1099, 1100. |
| 12 | 12/2019/NQ-HĐTV | 18/3/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1060, 1084, 1111, 1119, 1163, 1196, 1209, 1216, 1151, 1202, 1248. |
| 13 | 13/2019/NQ-HĐTV | 25/3/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1220, 1224, 1228, 1259, 1260, 1261, 1273, 1255, 1325, 1329, 1339, 1347, 1378, 1332, 1346 |
| 14 | 14/2019/NQ-HĐTV | 25/3/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại tờ trình số: 1372. |
| 15 | 15/2019/NQ-HĐTV | 26/4/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1552, 1393, 1416, 1472, 1397, 1398, 1399, 1400, 1484, 1485, 1486, 1516, 1507, 1519 |
| 16 | 16/2019/NQ-HĐTV | 08/4/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1533, 1549, 1560, 1567, 1568, 1569, 1606, 1623, 1607, 1698, 1699, 1700, 1701, 1702, 1527, 1624. |

| TT | Số văn bản | Ngày | Nội dung |
|----|-----------------|-----------|--|
| 17 | 17/2019/NQ-HĐTV | 16/4/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1752, 1764, 1765, 1778, 1796, 1797, 1798, 1801, 1814, 1818, 1819, 1820, 1828, 1829, 1849, 1859. |
| 18 | 18/2019/NQ-HĐTV | 16/4/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1852. |
| 19 | 19/2019/NQ-HĐTV | 16/4/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1862. |
| 20 | 20/2019/NQ-HĐTV | 14/5/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1876, 1903, 1935, 1952, 1956, 1948, 1980, 1981. |
| 21 | 21/2019/NQ-HĐTV | 25/4/2019 | Thông qua nội dung về công tác cán bộ. |
| 22 | 22/2019/NQ-HĐTV | 25/4/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2027 |
| 23 | 23/2019/NQ-HĐTV | 06/5/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2018, 2028, 2094, 2110, 2149, 2153, 2165, 2166, 2227, 2243, 2271, 2270. |
| 24 | 24/2019/NQ-HĐTV | 13/5/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2273, 2358, 2281, 2292, 2314, 2323, 2331, 2360, 2334, 2407. |
| 25 | 25/2019/NQ-HĐTV | 20/5/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2422, 2444, 2495, 2549, 2503, 2506, 2532, 2539, 2520. |
| 26 | 26/2019/NQ-HĐTV | 21/5/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại tờ trình số: 2515. |
| 27 | 27/2019/NQ-HĐTV | 09/7/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2597, 2674, 2811, 2867, 2878, 2894, 2896, 2906, 2921, 2933, 2916, 2955. |
| 28 | 28/2019/NQ-HĐTV | 17/6/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2958, 3011, 3033, 3031, 420. |
| 29 | 29/2019/NQ-HĐTV | 24/6/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 3064, 3072, 3077, 3098, 3133, 3142, 2645, 3095. |
| 30 | 30/2019/NQ-HĐTV | 08/7/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2960, BC107, 3224, 3252, 3270, 3283, 3284, 3307, 3310, 3415, 3265, 3127, 3292. |
| 31 | 31/2019/NQ-HĐTV | 15/7/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 3468, 3530, 3545, 3559. |
| 32 | 32/2019/NQ-HĐTV | 23/7/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 3587, 3645, 3683, 3687, 3586, 3688. |
| 33 | 33/2019/NQ-HĐTV | 25/7/2019 | Thông qua nội dung về nhân sự. |
| 34 | 34/2019/NQ-HĐTV | 30/7/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 3868, BC126, 3685, 3708, 3728, 3730, 3775, 3785, 3786, 3788, 3796, 3818. |

| TT | Số văn bản | Ngày | Nội dung |
|----|-----------------|------------|---|
| 35 | 35/2019/NQ-HĐTV | 31/7/2019 | Thông qua nội dung về nhân sự. |
| 36 | 36/2019/NQ-HĐTV | 05/8/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 3837, 3839, 3862, 3870, 3883, 3895, 3926. |
| 37 | 37/2019/NQ-HĐTV | 28/8/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 3953, 4010, 4073, 4108, 4145, 4168, 4192, 4193, 3894, 4074, 4088, 4174, 4194. |
| 38 | 38/2019/NQ-HĐTV | 26/8/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 4197, 4288, 4297, 4298. |
| 39 | 39/2019/NQ-HĐTV | 26/8/2019 | Thông qua nội dung về nhân sự. |
| 40 | 40/2019/NQ-HĐTV | 10/9/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 4401, 4413, 4438, 4483, 4555, 3772, BC163, 4603. |
| 41 | 41/2019/NQ-HĐTV | 10/9/2019 | Thông qua nội dung về nhân sự. |
| 42 | 42/2019/NQ-HĐTV | 17/9/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 4629, 4651, 4671, 4653, 4670. |
| 43 | 43/2019/NQ-HĐTV | 17/9/2019 | Thông qua nội dung về nhân sự. |
| 44 | 44/2019/NQ-HĐTV | 02/10/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 4710, 4726, 4730, 4734, 4737, 4747, 4760, 4938, 4785, 4826, 4842, |
| 45 | 45/2019/NQ-HĐTV | 15/10/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 4999, 5000, 5030, 5100, 5139, 5140, 5142, 5143, 5166, 5099. |
| 46 | 46/2019/NQ-HĐTV | 15/10/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại tờ trình số: 4762. |
| 47 | 47/2019/NQ-HĐTV | 21/10/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 5258. |
| 48 | 48/2019/NQ-HĐTV | 28/10/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 5194, 5251, 5263, 5266, 5281, 5359, 5331, 5368. |
| 49 | 49/2019/NQ-HĐTV | 11/11/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 5442, 5499, 5500, 5566, 5568, 5668, 5622. |
| 50 | 50/2019/NQ-HĐTV | 11/11/2019 | Thông qua nội dung về nhân sự |
| 51 | 51/2019/NQ-HĐTV | 11/11/2019 | Thông qua nội dung về nhân sự |
| 52 | 52/2019/NQ-HĐTV | 18/11/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 5646, BC 191, 5647, 5658, 5713, 5721, 5722, 5724, 5727, |
| 53 | 53/2019/NQ-HĐTV | 19/11/2019 | Thông qua nội dung về nhân sự |
| 54 | 54/2019/NQ-HĐTV | 28/11/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 5815, 5824, 5864, 5889, 5890, 5892, 5894, 5840, 5845, 5846, 5847, 5766, 5941a, |

| TT | Số văn bản | Ngày | Nội dung |
|----|-----------------|------------|--|
| 55 | 55/2019/NQ-HĐTV | 06/12/2019 | Thông qua nội dung trình tại tờ trình số: 6037. |
| 56 | 56/2019/NQ-HĐTV | 13/12/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6183. |
| 57 | 57/2019/NQ-HĐTV | 13/12/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6178, 6182. |
| 58 | 58/2019/NQ-HĐTV | 16/12/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6041, 6051, 6076, 6077, 6082, 6120, 6185, 6239. |
| 59 | 59/2019/NQ-HĐTV | 23/12/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6216, 6217, 6346, 6227, 6228, 6269, 6288, 6306, 6310, 6317, |
| 60 | 60/2019/NQ-HĐTV | 31/12/2019 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6311, 6319, 6320, 6336, 6337, 6348, BC218, 6395, 6464, 6502.6503,6514, 6350,6351, 6540, 6541, 6545, 6546, 6575. |

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SOÁT VIÊN (KSV)

Trong năm 2019 Ban Kiểm soát (BKS) và các KSV đã tuân thủ và chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách-pháp luật của Nhà nước, quy định của Chủ sở hữu và Điều lệ tổ chức và hoạt động của TKV. Căn cứ chương trình công tác năm 2019 của BKS đã được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 213/QĐ-UBQLV ngày 19 tháng 6 năm 2019, BKS đã thực hiện đầy đủ và hoàn thành các nhiệm vụ, nghĩa vụ của Ban kiểm soát/KSV theo quy định, cụ thể:

1. Nhiệm vụ thường xuyên:

- Tham gia các cuộc họp theo nhiệm vụ của ban kiểm soát: Tham dự đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tổ chức và triệu tập; Tham dự đầy đủ các cuộc họp đột xuất, họp định kỳ hàng tháng, hàng quý của Ban kiểm soát TKV; tham dự các phiên họp của Hội đồng thành viên của TKV và tham gia ý kiến về các nội dung của phiên họp (nếu có); tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng giữa HĐTV với Ban điều hành, các cuộc họp giao ban của Ban điều hành; Các cuộc họp giao ban vùng hàng quý của Hội đồng thành viên Tập đoàn với các đơn vị sản xuất, chế biến và kinh doanh than và các mặt hàng khác tại ba vùng Uông Bí, Hạ Long và Cẩm Phả; tham dự các cuộc họp tổng kết, thi đua và các hoạt động khác theo giấy mời họp của TKV.

- Thực hiện báo cáo quý, năm của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thực hiện báo cáo quý, năm theo đúng thời gian quy định và đảm bảo đầy đủ các nội dung yêu cầu.

- Thẩm định quỹ tiền lương của doanh nghiệp: thực hiện báo cáo về quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 và kế hoạch lao động tiền lương năm 2019 công ty mẹ TKV: Ngày 10/4/2019, Ban kiểm soát tại TKV đã có công văn số 08/BKS về việc quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 và kế hoạch lao động tiền lương năm 2019 công ty mẹ TKV gửi Ủy ban theo quy định.

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019: Ban kiểm soát tại TKV đã có báo

cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của TKV gửi Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp kèm theo công văn số 18/BKS ngày 11/6/2019 về việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2018.

- Báo cáo, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của TKV: thực hiện báo cáo lồng ghép trong báo cáo định kỳ quý, năm.

- Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên TKV trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu trong quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bao gồm các nội dung: Việc triển khai thực hiện điều lệ; Việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh; chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019; Việc thực hiện các dự án đầu tư, hợp đồng mua bán, vay, cho vay, tình hình thực hiện các dự án lớn của doanh nghiệp; Bảo toàn và phát triển vốn; Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối thu nhập và trích lập, sử dụng chi phí tập trung của doanh nghiệp; Việc thực hiện chế độ tiền lương, thưởng tại doanh nghiệp.

- Giám sát việc thực hiện đề án tái cơ cấu TKV giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (gồm: Việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản đối với công ty; việc thành lập mới công ty con là công ty TNHH MTV; việc góp, nắm giữ, tăng, giảm vốn của công ty vào công ty khác; việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác...).

- Giám sát tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại TKV:

+ Việc thực hiện kết luận của Thanh tra Chính phủ số 2810/KL-TTCP ngày 9/11/2017: Hiện TKV đang phối hợp với các Bộ Công thương, Bộ Tài chính tiếp tục xử lý theo trình tự.

+ Việc thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước về đầu tư kèm theo công văn số số 129/KTNN-TH ngày 6/2/2018 của Kiểm toán nhà nước: Từ thời điểm Kiểm toán nhà nước có kết luận kiểm toán về đầu tư, TKV đã có các văn bản chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước; Tổng giám đốc TKV đã phân công các Ban của TKV theo chức năng nhiệm vụ được giao để chủ trì/chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Theo báo cáo của TKV, các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đã được các đơn vị tiếp thu, giải trình. Tuy nhiên, đến nay còn các nội dung liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu, giá ký kết hợp đồng EPC công trình nhà máy alumin Lâm Đồng và Nhân Cơ, ngày hoàn thành, tiến độ thực hiện hợp đồng nhà máy alumin Lâm Đồng chưa được Kiểm toán nhà nước chấp thuận theo các giải trình của TKV.

+ Việc thực hiện Thông báo kết luận kiểm toán số 243/TB-KTNN ngày 14/5/2019 của Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán chuyên đề về quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2011-2017: Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, TKV và Công ty CP Đầu tư và phát triển hạ tầng phải nộp về Quỹ HTSXDN là 106.632.132.667 đồng; TKV đã nộp về quỹ HTSXDN số tiền là 105.024.023.336 đồng. Số tiền lãi chậm nộp của Công ty CP Đầu tư và phát triển hạ tầng là 1.608.109.331, công ty nộp trực tiếp về Quỹ.

+ Việc thực hiện văn bản số 610/TB-KTNN ngày 11/12/2019 về việc Thông báo kết quả kiểm toán Đoàn kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và văn bản số 620/TB-KTNN ngày 12/12/2019 về việc

Thông báo kết quả kiểm toán hoạt động đầu tư xây dựng các dự án nhóm B giai đoạn 2015 – 2018 của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam: Tập đoàn đã có văn bản số 6508/TKV-ĐT ngày 27/12/2019 để chỉ đạo các Ban thuộc cơ quan Tập đoàn thực hiện một số nội dung: rà soát, chấn chỉnh đối với những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; tổ chức thực hiện kiểm điểm trách nhiệm các cá nhân, tập thể liên quan đến những tồn tại, hạn chế. Văn bản số 6509/TKV-ĐT ngày 27/12/2019 gửi các Công ty con, đơn vị phụ thuộc rà soát, chấn chỉnh, kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân và thực hiện các nghĩa vụ, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước báo cáo TKV trước 25/3/2020.

2. Kiểm tra, giám sát theo chuyên đề:

- Giám sát chuyên đề công tác nhập khẩu than năm 2018 và quý I năm 2019: Chỉ đạo, phối hợp với các KSV thực hiện chuyên đề giám sát tại các đơn vị. Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề nhập khẩu, pha trộn và tiêu thụ than nhập khẩu tại văn bản số 30A/BKS ngày 10/8/2019.

- Giám sát chuyên đề thực hiện đầu tư của một số dự án đầu tư khai thác than - khoáng sản: Chỉ đạo, phối hợp với các KSV thực hiện chuyên đề giám sát tại các đơn vị. Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề thực hiện đầu tư tại văn bản số 48A/BKS ngày 13/11/2019.

- Giám sát chuyên đề về góp vốn đầu tư ngoài ngành và tái cơ cấu TKV: Chỉ đạo, phối hợp thực hiện giám sát chuyên đề về góp vốn đầu tư ngoài ngành và tái cơ cấu TKV tại các đơn vị. Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề thực hiện đầu tư tại văn bản số 46/BKS ngày 05/11/2019

- Giám sát việc xử lý tài sản liên quan đến việc dùng nhà máy Tuyển than Nam Cầu Trắng: Chỉ đạo thực hiện chuyên đề giám sát. Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề thực hiện đầu tư tại văn bản số 28/BKS ngày 23/7/2019.

3. Các công việc khác

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát hoặc yêu cầu của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Chỉ đạo, phối hợp với các KSV tham gia ý kiến về dự thảo báo cáo giám sát tài chính của cơ quan đại diện chủ sở hữu năm 2018 đối với TKV và báo cáo đánh giá hiệu quả doanh nghiệp năm 2018, gửi Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại công văn số 25/BKS ngày 11 tháng 7 năm 2019; Tham gia ý kiến về thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc của Bệnh viện Than – Khoáng sản thuộc TKV tại Công văn số 29/BKS ngày 25/7/2019; góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 21/12/2017 của Chính phủ; tham gia ý kiến vào dự thảo quy chế quản lý tài chính của TKV; tham gia ý kiến vào dự thảo quy chế kiểm soát viên; góp ý báo cáo của TKV về dự án nhà máy nhiệt điện Quỳnh lập I; tham gia đoàn công tác của UBQLV rà soát hiện trạng các cơ sở nhà đất của TKV theo Nghị định 167.

- Tổ chức Hội nghị các kiểm soát viên trong TKV: Đã tổ chức thành công Hội nghị kiểm soát viên TKV năm 2019.

- Phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát của TKV tại các dự án/đơn vị trực thuộc; Tham gia các đoàn làm việc của Chủ tịch HĐQT TKV, HĐQT TKV theo giấy mời của TKV.